TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 203/2023/DS-ST
Ngày: 16 – 11 – 2023
V/v tranh chấp về dân sự
hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Minh;

2. Ông Trần Quang Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 16 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 242/2023/TLST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2023 về việc "*Tranh chấp về dân sự hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 237/2023/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị B, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Ông Lê Văn T, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Lê Thị B, ông Lê Văn T có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Lê Thị B trình bày:

Ngày 10/01/2022, bà Lê Thị B cho ông Lê Văn T vay số tiền gốc là 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng), không có thỏa thuận thời hạn vay tiền, ông T tự thỏa thuận lãi suất trả cho bà B là 3,5%/tháng. Ông T trả lãi được 04 tháng từ ngày 10/01/2022 đến ngày 10/4/2022 thì không trả nữa. Từ ngày 10/5/2022 do ông T không trả tiền lãi như thỏa thuận nên bà B yêu cầu ông T trả

lại tiền vay gốc cho bà B, nhưng ông T nói không có khả năng nên không trả cho bà B tiền vay gốc và lãi từ ngày 10/5/2022 đến nay.

Tại đơn khởi kiện bà Lê Thị B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Văn T trả cho bà Lê Thị B số tiền vay gốc là 25.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 1,67%/tháng tính từ ngày 10/5/2022 đến ngày 06/02/2023 là 3.757.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 28.757.000 đồng; yêu cầu tiếp tục tính lãi từ ngày 06/02/2023 với lãi suất 1,67% đối với số tiền 28.757.000 đồng cho đến khi ông T trả xong nợ.

Tại phiên tòa, bà Lê Thị B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Văn T trả cho bà Lê Thị B số tiền vay gốc là 25.000.000 đồng. Về tiền lãi, bà B thống nhất đã nhận tiền lãi của ông T nhiều lần từ ngày 10/01/2022 đến ngày 10/4/2022 là 3.500.000 đồng, nay bà B yêu cầu tính lại tiền lãi từ khi ông T vay tiền vào ngày 10/01/2022 đến ngày 10/11/2023 với lãi suất 1,67%/tháng, sau đó trừ lại số tiền lãi ông T đã trả được là 3.500.000 đồng, cụ thể là: [22 tháng x 1,67%/tháng x 25.000.000 đồng] – 3.500.000 đồng = 5.685.000 đồng; , tổng cộng gốc và lãi là 30.685.000 đồng

- *Bị đơn ông Lê Văn T trình bày:* Trước đây ông T có nhiều lần vay tiền của bà B. Đến ngày 10/01/2022, ông T viết biên nhận cho bà B với nội dung: "*Tôi có nhận của bà B, số tiền là: Đợt 1: 20.000.000 (Hai mươi triệu). Đợt 2: 5.000.000 (Năm triệu). TC là 25.000.000 (Hai mươi lăm triệu)*"; việc vay tiền các bên không thỏa thuận thời hạn vay tiền, chỉ thỏa thuận đóng lãi hàng tháng với lãi suất là 3,5%/tháng, tương đương 875.000 đồng/tháng. Ông T đóng lãi được 4 tháng từ ngày 10/01/2022 đến ngày 10/4/2022 được tổng cộng là 3.500.000 đồng. Đến tháng 5/2023 do hoàn cảnh khó khăn nên ông T không đóng lãi cho bà B đến nay.

Nay ông Lê Văn T thống nhất còn thiếu bà Lê Thị B số tiền vay gốc là 25.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi từ tháng 05/2022 đến nay và chỉ đồng ý trả tiền gốc là 1.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 01/2024.

Đối với số tiền lãi ông T đã trả cho bà B là 3,5%/tháng x 25.000.000 đồng x 4 tháng = 3.500.000 đồng thì ông T không yêu cầu điều chỉnh lại tiền lãi, do ông T đã trả cho bà B xong. Việc bà B tự nguyện điều chỉnh tiền lãi thì ông T không có ý kiến.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Biên nhận ngày 10/01/2022 (Bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Theo yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị B và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là *"Tranh chấp về dân sự hợp đồng vay tài sản"*, Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn ông Lê Văn T hiện nay cư trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, nên nguyên đơn khởi kiện vụ án tại Tòa án nơi bị đơn cư trú là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị B xác định bà B yêu cầu ông Lê Văn T chịu trách nhiệm trả cho bà B số tiền vay gốc là 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi.

[2.2] Về tiền nợ gốc: Căn cứ vào Biên nhận ngày 10/01/2022, thể hiện bà B có cho ông T vay số tiền gốc là 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) và ông T đã nhận tiền đủ. Ông T cũng thống nhất nội dung biên nhận ngày 10/01/2022; ông T xác định ông T có viết và ký tên vào biên nhận, xác định ông T có vay, nhận đủ số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) và hiện nay ông T chưa trả cho bà B số tiền vay gốc là 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng). Nội dung Biên nhận ngày 10/01/2022 cho thấy tại thời điểm bà B cho ông T vay tiền thì các bên đều tự nguyện, có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự phù hợp với giao dịch về việc cho vay tiền, mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Bà B và ông T đều xác định hợp đồng vay không có thời hạn, nhưng từ tháng 5/2022 do ông T không trả tiền lãi nên bà B đã yêu cầu ông T trả tiền vay gốc và lãi cho bà B. Việc bà B khởi kiện tại Tòa án vào tháng 02/2023, nhưng đến nay ông T không có trả được tiền cho bà B, nên ông T đã vi phạm hợp đồng vay tài sản đối với bà B. Do đó, ông T có nghĩa vụ trả nợ cho bà B theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.3] Đối với trình bày của ông T về việc không đồng ý trả tiền vay gốc cho bà B vì hiện nay ông T đang có hoàn cảnh khó khăn; ông T chỉ đồng ý trả tiền gốc là 1.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 01/2024; do ông T là người vay tiền của bà B, nên ông T là người có nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận trình bày của ông T.

[2.4] Đối với yêu cầu trả tiền lãi của bà B: Tại phiên tòa, bà B và ông T xác định tiền lãi thỏa thuận là 3,5%/tháng. Mức lãi suất các bên đưa ra cao hơn quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên phải điều chỉnh lại phù hợp với quy định của pháp luật với mức tối đa là 20%/năm. Nguyên đơn tự nguyện điều chỉnh và yêu cầu tiền lãi với mức lãi suất 1,67%/tháng là phù hợp, nên được chấp nhận.

[2.5] Bà B thống nhất với ông T về việc ông T có trả tiền lãi cho bà B từ tháng 01/2022 đến tháng 4/2022 là 3,5%/tháng x 25.000.000 đồng x 4 tháng = 3.500.000 đồng, từ tháng 05/2022 thì không trả nữa; nay ông T không yêu cầu điều chỉnh lại tiền lãi, tuy nhiên bà B yêu cầu tính lại tiền lãi từ khi ông T vay tiền vào ngày 10/01/2022 đến ngày 10/11/2023 với lãi suất 1,67%/tháng, sau đó trừ lại số tiền lãi ông T đã trả được là 3.500.000 đồng; xét thấy đây là sự tự nguyện của bà B, có lợi cho ông T nên được chấp nhận. Căn cứ số tiền gốc còn thiếu, mức lãi suất và thời hạn tính lãi mà bà B yêu cầu số tiền lãi tính từ ngày 10/01/2022 đến ngày 10/11/2023, sau đó trừ lại số tiền 3.500.000 đồng, cụ thể là: [22 tháng x 1,67%/tháng x 25.000.000 đồng] – 3.500.000 đồng = 5.685.000 đồng; là phù hợp quy định tại Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[2.6] Từ các nhận định nêu trên và căn cứ vào quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015: "*Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định*", Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị B, buộc ông Lê Văn T chịu trách nhiệm trả cho bà B số tiền vay gốc là 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng), tiền lãi là 5.685.000 đồng (Năm triệu, sáu trăm tám mươi lăm nghìn đồng), tổng cộng nợ gốc và lãi là 30.685.000 đồng (Ba mươi triệu, sáu trăm tám mươi lăm nghìn đồng), là phù hợp với quy định tại Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Nguyên đơn bà Lê Thị B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn ông Lê Văn T phải có trách nhiệm chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị B.

Buộc ông Lê Văn T chịu trách nhiệm trả lại cho bà Lê Thị B số tiền vay gốc là 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng), tiền lãi là 5.685.000 đồng (Năm triệu, sáu trăm tám mươi lăm nghìn đồng), tổng cộng nợ gốc và lãi là 30.685.000 đồng (Ba mươi triệu, sáu trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Bị đơn ông Lê Văn T phải có trách nhiệm chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 1.534.000 đồng (Một triệu, năm trăm ba mươi bốn nghìn đồng).

Nguyên đơn bà Lê Thị B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà Lê Thị B toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 719.000 đồng (Bảy trăm mười chín nghìn đồng) theo biên lai số 0002246 ngày 28/9/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 16/11/2023).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9, 9a Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CC THA DS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Thùy Trang